TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 392/2023/DS-ST
Ngày: 14-9-2023
"Về tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng.

Ông Nguyễn Tuấn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2023/TLST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 327/2023/QĐTS-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Sa R**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là: Chị **Thạch Thị M**, sinh năm 1989, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền đề ngày 24/8/2023, có mặt);

- Bị đơn: Bà **Kim Thị Sa R1**, sinh năm 1968 và ông **Thạch S**, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn chị Thạch Thị M trình bày: Nguyên đơn có tham gia các dây hụi do bà Kim Thị Sa R1 và ông Thạch S làm đầu thảo, cụ thể:

Trong dây hụi loại 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 19/8/2018, trừ hoa hồng đầu thảo là 2.500.000 đồng, có 14 phần hụi, 04 tháng khui hụi 01 lần (khui theo vụ lúa), nguyên đơn đã đóng hụi sống được 06 lần với số tiền là 14.790.000 đồng. Sau khi bể hụi bị đơn có trả được 1.500.000 đồng. Dó đó nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đã trả là 1.500.000 đồng.

Trong dây hụi loại 2.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 04/12/2016, trừ hoa hồng đầu thảo là 800.000 đồng, có 18 phần hụi, 04 tháng khui hụi 01 lần (khui theo vụ lúa), nguyên đơn đã đóng hụi sống được 11 lần với số tiền là 13.270.000 đồng.

Nay chị M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà R1 và ông S có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền đóng hụi sống là 26.560.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Thạch S và bà Kim Thị Sa R1 vắng mặt không có lời trình bày.

Đối với bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa xét xử, nên Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được và bị đơn cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị R.

Vì vậy Tòa án không kết luận được những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt không có lý do tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Thạch S và bà Kim Thị Sa R1 có nghĩa vụ trả cho chị Thạch Thị Sa R số tiền là 26.560.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 1.500.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bị đơn bà R1 và ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền vốn gốc góp hụi là 26.560.000 đồng là có thật mặc dù các bên không có lập thành hợp đồng nhưng bị đơn có lập danh sách hụi và giao cho nguyên đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc các bên thực hiện hợp đồng góp hụi bằng lời nói là phù hợp quy định tại Điều 119 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn đã chứng minh được yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ bằng lời khai của những người làm chứng cùng tham gia trong hụi này do ông S và bà R1 làm đầu thảo và danh sách hụi viên thể hiện được chị R đã đóng hụi sống cho ông S và bà R1 trong dây hụi 5.000.000 đồng là 06 lần với số tiền là 14.790.000 đồng và bị đơn đã trả được là 1.500.000 đồng và trong dây hụi 2.000.000 đồng đóng hụi sống 11 lần với số tiền là 13.270.000 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là thực hiện đúng quyền của hụi viên được quy định tại Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*". Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Tại phiên toà hôm nay đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền là 1.500.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Đối với bị đơn Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên toà sơ thẩm; yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn cố tình né tránh và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 94, 95, 96, 147, 227, 228, 244, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 119, 429, khoản 2 Điều 468, 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*";

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Sa R.

Buộc bà Kim Thị Sa R1 và ông Thạch S có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị Thạch Thị Sa R số tiền là 26.560.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 1.500.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Kim Thị Sa R1 và ông Thạch S phải chịu là 1.328.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Thạch Thị Sa R tổng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 702.000 đồng theo biên lai thu tiền

số 0002698 và 0002699, cùng ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân